TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 174/2017/HNGĐ-ST
Ngày 04 – 8 – 2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Minh Bền.

Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Linh – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 516/2017/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 535/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Tú V; cư trú tại thị trấn T, huyện T1, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trương Quốc T; cư trú tại đường H, phường N, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Lê Tú V và anh Trương Quốc T chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống, giữa anh T với chị V xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cải nhau nên cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Nay chị V xin ly hôn, anh T cũng đồng ý.

Về con chung là Trương Lê V1, sinh ngày 29/10/2008 và Trương Ngọc Vĩnh K, sinh ngày 22/8/2012. Hiện hai người con đang chung sống với chị V, khi ly hôn chị V nhận nuôi các con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Riêng anh Thuận cũng đồng ý giao các con cho chị V nuôi và tự nguyện cấp dưỡng nuôi các con theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, chị V thống nhất việc anh T cấp dưỡng nuôi con nhưng về thời gian cấp dưỡng chị V yêu cầu tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/8/2017).

Về tài sản chung và nợ chung, chị Lê Tú V và anh Trương Quốc T khai không có. Đồng thời, do bận công việc nên anh T yêu cầu Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt anh trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hôn nhân, chị Lê Tú V và anh Trương Quốc T chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét mâu thuẫn thực tế được anh T, chị V trình bày là có thật và cũng chính từ mâu thuẫn trên mà anh, chị không còn thương yêu nhau, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống nạnh ai nấy lo. Nay chị V, anh T cùng thống nhất thuận tình ly hôn nên chấp nhận.

[2] Về con chung là Trương Lê V1, sinh ngày 29/10/2008 và Trương Ngọc Vĩnh K, sinh ngày 22/8/2012 - Hiện hai người con đang chung sống với chị V. Khi ly hôn, chị V cùng anh T đã thỏa thuận, thống nhất giao các con cho chị V nuôi và anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai người con theo quy định của pháp luật, cụ thể: mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định bằng 50% mức lương cơ bản tương ứng với số tiền hàng tháng anh T phải cấp dưỡng nuôi mỗi người con là 650.000đ, hai người con là 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng).

Xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con và trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con giữa chị V, anh T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu V1 nên chấp nhận. Riêng về thời gian cấp dưỡng, tuy anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng việc cấp dưỡng nuôi con nhằm đảm bảo đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của con chưa thành niên nên việc chị V yêu cầu thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/8/2017) là có căn cứ.

[3] Về tài sản chung và nợ chung, chị V và anh T khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về thủ tục tố tụng: Anh T đã có lời khai và yêu cầu Tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì việc yêu cầu trên của anh T được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị V phải nộp. Riêng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, anh T phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Tú V về việc xin ly hôn anh Trương Quốc T.

- Về con chung là Trương Lê V1, sinh ngày 29/10/2008 và Trương Ngọc Vĩnh K, sinh ngày 22/8/2012. Hiện hai người con đang chung sống với chị Lê Tú V, tiếp tục giao cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trương Quốc T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai người con mỗi tháng 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 04/8/2017.

Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc và nuôi dạy con chung.

Kể từ ngày chị V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Về tài sản chung và nợ chung, chị Lê Tú V và anh Trương Quốc T khai không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị Lê Tú V phải nộp số tiền 300.000đ. Vào ngày 19/5/2017, chị V đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0006970 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh Cà Mau được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, anh Trương Quốc T phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng - chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã K,
huyện U, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân